


HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PX-WEB ĐỂ KHAI THÁC SỐ LIỆU

I. Truy vấn số liệu trên Website bằng PX-Web

1. Bước 1: Truy nhập vào trang Web

Sử dụng trình duyệt Web mà bạn thông thạo, truy nhập vào trang Web cung cấp số liệu bằng công cụ PX-Web. Bạn có thể truy nhập trang Web của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <http://gso.gov.vn>, vào mục “Số liệu thống kê” rồi chọn lĩnh vực cần khai thác. Ví dụ: chọn lĩnh vực Dân số và lao động. Danh mục các bảng số liệu xuất hiện như màn hình dưới đây:



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
6B Hoàng Diệu - Ba Đình - Hà Nội

[English](#) | [FAQ](#) | [Site map](#)

[Trang chủ](#) | [Số liệu thống kê](#) | [Phương pháp thống kê](#) | [Tin tức](#) | [Ấn phẩm thống kê](#) | [Phân loại, danh mục](#) | [Văn bản pháp lý](#) | [Giới thiệu](#)

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

- 01. Đơn vị hành chính, đất đai và khí hậu
- 02. Dân số và lao động
- 03. Tài khoản Quốc gia
- 04. Đầu tư và Xây dựng
- 05. Doanh nghiệp
- 06. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- 07. Công nghiệp
- 08. Thương mại, giá cả
- 09. Vận tải và bưu điện
- 10. Giáo dục
- 11. Y tế, Văn hóa và đời sống
- 12. Thống kê nước ngoài

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

SỐ LIỆU CHUYÊN ĐỀ

- Chỉ số giá tiêu dùng
- Chỉ số sản xuất công nghiệp
- Giá trị xuất nhập khẩu

Số liệu thống kê - Danh sách

- ☐ Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2011 phân theo địa phương
- ☐ Dân số trung bình phân theo giới tính
- ☐ Dân số trung bình phân theo địa phương
- ☐ Tỷ số giới tính phân theo thành thị, nông thôn
- ☐ Tỷ số giới tính của dân số phân theo địa phương
- ☐ Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh phân theo vùng
- ☐ Tỷ suất sinh thô, tỷ suất chết thô và tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số phân theo thành thị, nông thôn
- ☐ Tỷ suất sinh thô, tỷ suất chết thô và tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số phân theo địa phương
- ☐ Tổng tỷ suất sinh phân theo thành thị, nông thôn
- ☐ Tổng tỷ suất sinh phân theo địa phương
- ☐ Tỷ suất chết của trẻ em phân theo giới tính và thành thị, nông thôn
- ☐ Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi phân theo địa phương
- ☐ Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi phân theo vùng
- ☐ Tỷ lệ tăng dân số phân theo địa phương
- ☐ Tỷ suất nhập cư, xuất cư và di cư thuần phân theo địa phương
- ☐ Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và thành thị, nông thôn
- ☐ Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi
- ☐ Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa phương
- ☐ Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại thời điểm 1/7 hàng năm phân theo thành phần kinh tế
- ☐ Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại thời điểm 1/7 hàng năm phân theo ngành kinh tế(*)

2. Bước 2: Chọn bảng số liệu cần khai thác

Trong danh mục bảng số liệu, bạn chọn biểu số liệu cần khai thác bằng cách bấm chuột vào tên biểu số liệu đó. Khi đó xuất hiện màn hình như hình dưới đây bao gồm các nội dung sau:

- Thanh menu ngang
- Tiêu đề của bảng số liệu (Tên bảng)
- Bấm vào “Thông tin”: khi muốn xem thông tin liên quan đến bảng (nếu có)
- Bấm vào “Chú thích”: khi muốn xem chú thích cho bảng (nếu có)
- Mấy dòng hướng dẫn về cách chọn giá trị trong bảng để truy vấn.

- Các biến (chiều dữ liệu của bảng)
- Các nút lệnh
- Thông tin trạng thái giá trị của biến được lựa chọn
- Các giá trị của biến
- Ô tìm kiếm
- Thông tin về giới hạn ô, dòng được hiển thị trên màn hình (mục này mặc định bởi người quản trị)
- Số ô dữ liệu đã chọn. (thể hiện số ô dữ liệu mà bạn đã chọn)
- Danh sách chứa các dạng bảng, biểu đồ, tệp muốn hiển thị hoặc lưu.

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn

menu ngang

Dân số trung bình phân theo giới tính

Tiêu đề của bảng

Thông tin Chú thích

Đánh dấu lựa chọn của bạn và chọn giữa bảng trên màn hình và định dạng tập tin. Thủ thuật đánh dấu
Với những biến đánh dấu * bạn cần phải chọn ít nhất một giá trị

Cách tính *	Năm *	Phân tổ *	Các biến
<div> <input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div>	<div> <input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div>	<div> <input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div>	
Tổng số 3 Đã chọn 0	Tổng số 22 Đã chọn 0	Tổng số 5 Đã chọn 0	
<div> <div>Tổng số (Nghìn người)</div> <div>Tốc độ tăng -%</div> <div>Cơ cấu - %</div> </div>	<div> <div>1990</div> <div>1991</div> <div>1992</div> <div>1993</div> <div>1994</div> <div>1995</div> </div>	<div> <div>Tổng số</div> <div>Nam</div> <div>Nữ</div> <div>Thành thị</div> <div>Nông thôn</div> </div>	Các giá trị của biến
<div> <div>Tìm kiếm</div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div> </div>	<div> <div>Tìm kiếm</div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div> </div>	<div> <div>Tìm kiếm</div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div> </div>	

Hiển thị trên màn hình bị giới hạn bởi 10.000 ô

Số ô dữ liệu đã chọn 0





Bảng - Giao diện 1

Tiếp tục



3. Bước 3: Chọn giá trị cho các biến

Chọn các giá trị trong khung lựa chọn các giá trị để thực hiện truy vấn. Bắt buộc mỗi biến phải chọn ít nhất một giá trị.

Trong mục này ta có thể có nhiều cách lựa chọn giá trị muốn truy vấn:

- Nếu muốn lựa chọn tất cả các giá trị ta kích vào nút 
- Nếu muốn lựa chọn từng giá trị thì ta bấm chuột vào giá trị đó
- Nếu muốn lựa chọn nhiều giá trị thì có hai cách:
 - o Giữ phím Ctrl đồng thời kích chuột chọn những giá trị cần truy vấn.
 - o Gõ lần lượt giá trị cần truy vấn vào ô tìm kiếm và kích nút tìm kiếm.
- Nếu muốn bỏ chọn tất cả các giá trị ta kích vào nút 
- Nếu muốn sắp xếp các giá trị tăng hay giảm trước khi lựa chọn ta kích vào nút tương ứng  
- Trong mục tìm kiếm ta có thể nhập vào nội dung yêu cầu tìm kiếm.
Chú ý: nội dung nhập vào phải là nội dung có chứa trong ô giá trị.

4. Bước 4: Chọn cách hiển thị hoặc lưu dữ liệu truy vấn

Cách tính *	Năm *	Phân tổ *
   	   	   
Tổng số 3 Đã chọn 1	Tổng số 22 Đã chọn 4	Tổng số 5 Đã chọn 4
<div>Tổng số (Nghìn người)</div> <div>Tốc độ tăng -%</div> <div>Cơ cấu - %</div>	<div>2006</div> <div>2007</div> <div>2008</div> <div>2009</div> <div>2010</div> <div>Sơ bộ 2011</div>	<div>Tổng số</div> <div>Nam</div> <div>Nữ</div> <div>Thành thị</div> <div>Nông thôn</div>
<div>Tìm kiếm <input type="text"/></div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div>	<div>Tìm kiếm <input type="text"/></div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div>	<div>Tìm kiếm <input type="text"/></div> <div><input type="checkbox"/> Từ đầu của hàng</div>

Hiển thị trên màn hình bị giới hạn bởi 10.000 ô

Số ô dữ liệu đã chọn 16

Bảng - Giao diện 1

Bảng - Giao diện 1

Bảng - Giao diện 2

Biểu đồ - Dạng cột

Biểu đồ - Dạng dòng kẻ

Tệp PC-AXIS

Tệp Excel (xls)

Phân tách bởi dấu chấm phẩy kèm tiêu đề

Tiếp tục

- Lựa chọn 1: Bảng – Giao diện 1: Hiển thị truy vấn dưới dạng bảng kiểu hiển thị 1

- Lựa chọn 2: Bảng – Giao diện 2: Hiện thị truy vấn dưới dạng bảng kiểu hiển thị 2
- Lựa chọn 3: Biểu đồ - Dạng cột: Hiện thị truy vấn dưới dạng biểu đồ dạng cột
- Lựa chọn 4: Biểu đồ - Dạng dòng kẻ: Hiện thị truy vấn dưới dạng biểu đồ dạng dòng kẻ.
- Lựa chọn 5: Tập PC-AXIS: Lưu kết quả truy vấn dưới dạng tập PC-AXIS
- Lựa chọn 6: Tập Excel (xls): Lưu kết quả truy vấn dưới dạng tập Excel
- Lựa chọn 7: Lưu kết quả truy vấn dưới dạng tập text phân tách các trường bởi dấu chấm phẩy kèm tiêu đề

Sau khi chọn xong kiểu hiển thị bạn bấm nút 

Tùy thuộc vào việc ta chọn hiển thị truy vấn như thế nào thì sẽ hiển thị kết quả tương ứng:

- Với các lựa chọn 1 và 2 thì kết quả là bảng số liệu hiển thị theo kiểu tương ứng đã chọn và có thể thực hiện tiếp các bước tiếp theo trong phần “II. Các thao tác với bảng số liệu”
- Với các lựa chọn 3 và 4 thì kết quả hiển thị là các biểu đồ tương ứng đã chọn và có thể thực hiện tiếp các bước tiếp theo phần “III. Căn chỉnh biểu đồ”
- Với các lựa chọn 5, 6 và 7 thì kết quả cho phép bạn tải về máy dưới dạng tập bạn đã chọn. Sử dụng các phần mềm tương ứng để khai thác các tập số liệu này

5. Hiện thị số liệu dạng bảng

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Bảng

















	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Tổng số (Nghìn người)				
2006	40.999,00	42.312,20	23.045,80	60.265,40
2008	41.956,10	43.162,60	24.673,10	60.445,60
2010	42.986,10	43.946,40	26.515,90	60.416,60
Sơ bộ 2011	43.444,80	44.395,20	27.888,20	59.951,80

Thông tin

Đơn vị tính
Nghìn người, %

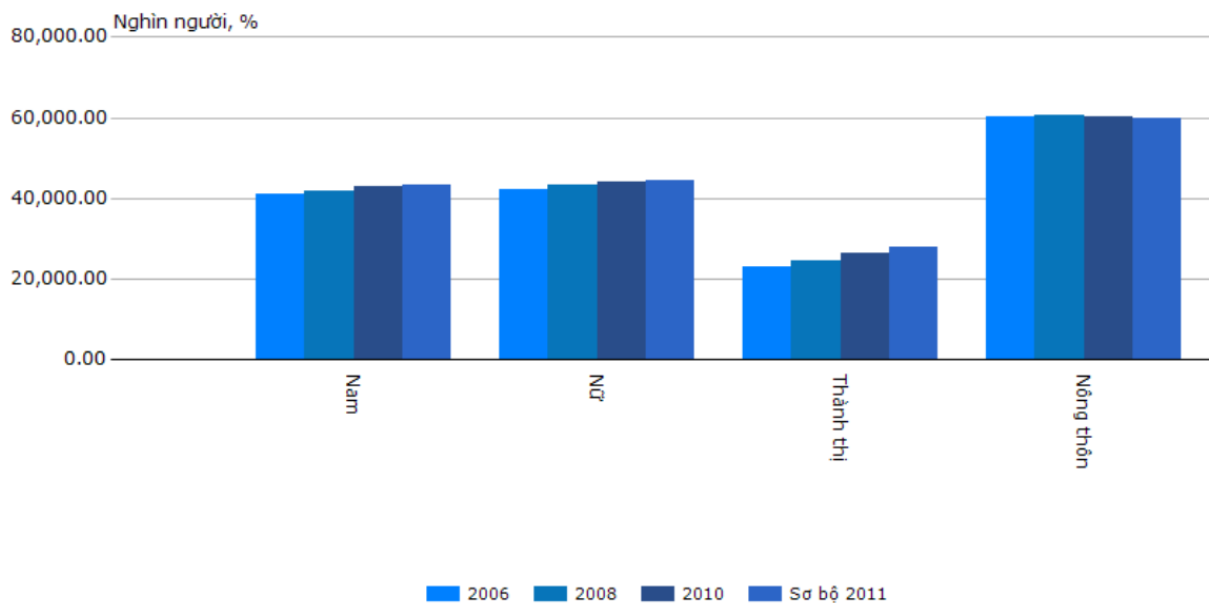
6. Hiện thị số liệu dạng biểu đồ

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Biểu đồ

Chỉnh sửa và tính toán

Các cài đặt của biểu đồ

Dân số trung bình phân theo giới tính chia theo Cách tính, Năm và Phân tổ



II. Các thao tác với bảng số liệu, biểu đồ

Khi bạn chọn hiện thị truy vấn dữ liệu ở dạng bảng hay biểu đồ thì kết quả sẽ trình bày ở dạng sau:

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Biểu đồ

Chỉnh sửa và tính toán

Nhóm chức năng 1

Nhóm chức năng 2

Nhóm chức năng 3


- Nhóm chức năng 1: Chỉnh sửa và tính toán, bao gồm các chức năng:
 - Xoay bảng thủ công
 - Xoay theo chiều kim đồng hồ
 - Xoay ngược chiều kim đồng hồ
 - Thay đổi thứ tự giá trị
 - Thay đổi số thập phân
 - Xóa giá trị
 - Xóa biến
 - Thay đổi nội dung
 - Thay đổi nội dung/mã trình bày


- Tỷ lệ phần trăm
- Hiện thị tất cả các dòng
- Bỏ những dòng bằng không
- Bỏ những dòng bằng không hoặc '-'
- Bỏ những dòng dấu chấm chấm
- Bỏ những dòng bằng không, '-' hoặc chấm
- Tính tổng các giá trị của biến
- Hiệu các giá trị của biến
- Chia các giá trị của biến
- Nhân các giá trị của biến
- Nhóm chức năng 2: Lưu dưới dạng, bao gồm các chức năng:
 - Tập PC-AXIS
 - Tập Excel (xls)
 - Tập Excel (xls) với cột mã và nội dung
 - Phân tách bởi dấu Tab kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi dấu Tab không kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi dấu phẩy kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi dấu phẩy không kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi khoảng trống kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi khoảng trống không kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi dấu chấm phẩy kèm tiêu đề
 - Phân tách bởi dấu chấm phẩy không kèm tiêu đề
 - Tập HTML (htm)
 - Tập quan hệ (scb)
- Nhóm chức năng 3: Kiểu hiển thị, bao gồm các chức năng:
 - Bảng - Giao diện 1
 - Bảng - Giao diện 2
 - Bảng - Sắp xếp
 - Biểu đồ - Dạng cột
 - Biểu đồ - Dạng cột xếp chồng
 - Biểu đồ - Dạng cột xếp chồng 100%
 - Biểu đồ - Dạng thanh
 - Biểu đồ - Dạng thanh xếp chồng
 - Biểu đồ - Dạng thanh xếp chồng 100%
 - Biểu đồ - Dạng dòng kẻ
 - Biểu đồ - Dạng cột và dòng kẻ
 - Biểu đồ - Tháp dân số
 - Biểu đồ - Dạng bánh
 - Biểu đồ - Dạng vùng


- Biểu đồ - Dạng vùng xếp chồng
- Biểu đồ - Dạng vùng xếp chồng 100%
- Biểu đồ - Dạng điểm
- Biểu đồ - Dạng Rada
- Chú thích
- Thông tin

1. Xoay bảng

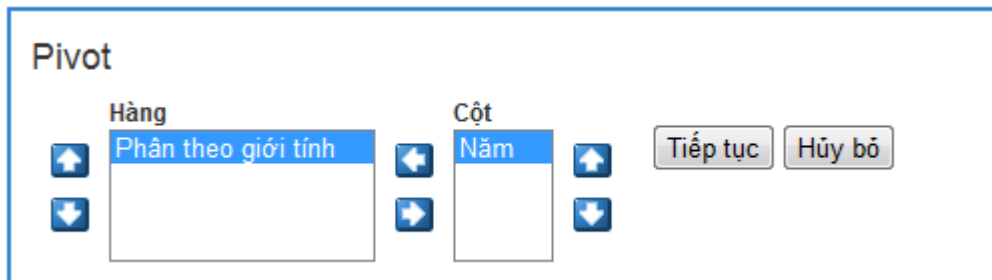
Bạn có thể thay đổi hiển thị giữa hàng và cột của bảng số liệu bằng cách xoay bảng. Việc thực hiện xoay bảng bao gồm:

+ Bằng cách chọn “Xoay theo chiều kim đồng hồ” hoặc bấm nút , Bảng tự động xoay theo chiều kim đồng hồ.

+ Bằng cách chọn “Xoay ngược chiều kim đồng hồ” hoặc bấm nút , Bảng tự động xoay ngược chiều kim đồng hồ

+ Bằng cách chọn “Xoay bảng thủ công” hoặc bấm nút , bạn sẽ chọn chỉ tiêu Hàng và cột theo ý mình:

Với cách xoay bảng thủ công thì khi chọn nó sẽ xuất hiện bảng Pivot



Lúc này ta thực hiện xoay hàng cột bằng cách sử dụng các mũi tên sang phải, sang trái, lên xuống có trong hình vẽ và thực hiện thao tác. Sau đó bấm nút “Tiếp tục” để tiếp xoay hoặc “Hủy bỏ” để bỏ qua.

2. Các thao tác thay đổi nội dung bảng số liệu

Các thao tác trong nhóm này bao gồm:

- Thay đổi thứ tự giá trị: dùng để thay đổi thứ tự các giá trị của các biến. Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây, bạn chọn biến cần thay đổi thứ tự rồi bấm nút “Tiếp tục” nếu không muốn thay đổi thì bấm nút “Hủy bỏ”. Trong hình thể hiện bảng số liệu có 3 biến là “Cách tính”, “Năm” và “Phân tổ”. Ví dụ bạn chọn thay đổi lại thứ tự của biến “Phân tổ” thì bạn chọn biến đó rồi bấm nút “Tiếp tục”

Chỉnh sửa và tính toán

Lưu dưới dạng

Bảng - Giao diện 1



PX

xls

CSV





Thay đổi thứ tự giá trị

Chọn biến

Hủy bỏ

Tiếp tục

- ☐ Cách tính
☐ Năm
☒ Phân tử



Cửa sổ như hình dưới thể hiện các giá trị của biến vừa chọn. Bạn chọn các biến trong ô “Từ thứ tự” rồi bấm nút  để chuyển giá trị đó sang ô “Sang thứ tự” một cách tuần tự theo thứ tự mới. Nếu chọn chưa đúng thì chọn giá trị chưa đúng đó trong ô “Sang thứ tự” rồi bấm nút .

Thay đổi thứ tự giá trị

Chọn thứ tự giá trị bằng cách di chuyển các mục từ một danh sách sang nơi khác. Nếu không phải tất cả bị di chuyển, các giá trị trong danh sách sẽ được đặt đầu tiên trong bảng.

Hủy bỏ

Tiếp tục

Từ thứ tự		Sang thứ tự
	Tổng số	
	Nam	
	Nữ	
	Thành thị	
	Nông thôn	



Ví dụ: thứ tự ban đầu như hình trên, ta muốn thứ tự mới là “Tổng số”, “Thành thị”, “Nông thôn”, “Nam”, “Nữ”. Sau khi thực hiện theo các thao tác trên ta được thứ tự mới như hình dưới đây.

Thay đổi thứ tự giá trị

Chọn thứ tự giá trị bằng cách di chuyển các mục từ một danh sách sang nơi khác. Nếu không phải tất cả bị di chuyển, các giá trị trong danh sách sẽ được đặt đầu tiên trong bảng.

Hủy bỏ

Tiếp tục

Từ thứ tự		Sang thứ tự
		

Để chấp nhận thứ tự này, bạn bấm nút “Tiếp tục”.

- Thay đổi số thập phân: dùng để thay đổi số lượng chữ số thập phân. Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây. Bạn nhập vào số lượng chữ số thập phân cần hiển thị rồi bấm tiếp tục

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Bảng

Chỉnh sửa và tính toán

Lưu dưới dạng

PX

xls

CSV

Thay đổi số thập phân

Nhập vào số chữ số thập phân bạn muốn có và nhấn nút tiếp tục

Số chữ số thập phân (0-6)

Tiếp tục

Hủy bỏ

- Xóa giá trị: dùng để xóa bớt các giá trị của các biến. Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây. Bạn chọn những giá trị của biến muốn xóa trong các ô tương ứng rồi bấm nút “Tiếp tục” để thực hiện.

Xóa giá trị

Chọn một hoặc nhiều giá trị để xóa. Bạn không thể chọn tất cả các giá trị cho một biến. Nếu vậy, bạn cần phải sử dụng chức năng Xóa biến

<div><div>Cách tính</div><div><div><div></div><div></div><div></div><div></div></div></div><div>Tổng số 3 Đã chọn 0</div><div><div>Tổng số (Nghìn người)</div><div>Tốc độ tăng - %</div><div>Cơ cấu - %</div></div><div><div>Tìm kiếm</div><div></div><div></div></div><div><div><input type="checkbox"/></div><div>Từ đầu của hàng</div></div></div>	<div><div>Năm</div><div><div><div></div><div></div><div></div><div></div></div></div><div>Tổng số 22 Đã chọn 0</div><div><div>1990</div><div>1991</div><div>1992</div><div>1993</div><div>1994</div></div><div><div>Tìm kiếm</div><div></div><div></div></div><div><div><input type="checkbox"/></div><div>Từ đầu của hàng</div></div></div>	<div><div>Phân tổ</div><div><div><div></div><div></div><div></div><div></div></div></div><div>Tổng số 5 Đã chọn 2</div><div><div>Tổng số</div><div>Nam</div><div>Nữ</div><div>Thành thị</div><div>Nông thôn</div></div><div><div>Tìm kiếm</div><div></div><div></div></div><div><div><input type="checkbox"/></div><div>Từ đầu của hàng</div></div></div>
---	--	---

Tiếp tục

Hủy bỏ

- Xóa biến: dùng để xóa bớt các biến. Khi xóa một biến thì bạn phải chọn ít nhất 1 giá trị của biến đó để bảng số liệu có thể hiển thị được chính xác. Ví dụ bảng số liệu có 3 biến là “Cách tính”, “Năm” và “Phân tổ”. Bạn muốn xóa biến “Phân tổ” thì bạn phải để lại một giá trị của biến. Trong trường hợp này ta để lại giá trị “Tổng số” Khi đó bạn chọn biến “Phân tổ” rồi bấm dòng “Tổng số” sau đó bấm nút “Tiếp tục”. Khi bạn thực hiện như vậy sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây

Xóa biến

Thêm giá trị vào tiêu đề bảng ☐

Đánh dấu biến và giá trị được sử dụng khi biến được loại bỏ

<input type="radio"/> Cách tính Tổng số (Nghìn người) Tốc độ tăng - % Cơ cấu - %	<input type="radio"/> Năm 1990 1991 1992 1993 1994 1995 1996 1997 1998 1999	<input checked="" type="radio"/> Phân tổ Tổng số Nam Nữ Thành thị Nông thôn
--	--	---

3. Các thao tác thay đổi hiển thị

Các thao tác trong nhóm này bao gồm:

- Thay đổi nội dung: dùng để thay đổi nội dung các giá trị của các biến. Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây. Bạn nhập vào thông tin mới cho giá trị của biến muốn thay đổi trong các ô tương ứng rồi bấm nút “Tiếp tục” để thực hiện

Chỉnh sửa và tính toán
 Lưu dưới dạng
 Bảng - Giao diện 1

Thay đổi nội dung

Thay đổi thành nội dung bạn muốn rồi bấm

Nội dung

Đơn vị tính

Biến

1

2

3

- Thay đổi nội dung/mã trình bày: Mỗi giá trị của một biến bao gồm mã và tên hiển thị. Chức năng này dùng để thay đổi các hiển thị các giá trị của các biến. Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây. Bạn lựa chọn cách hiển thị giá trị của biến là chỉ hiển thị nội dung hoặc chỉ hiển thị mã hay hiển thị cả mã và nội dung. Sau đó bấm nút “Tiếp tục” để thực hiện

Thay đổi nội dung/mã trình bày

Chọn một tùy chọn cho mỗi biến mà bạn muốn thay đổi trình bày

Cách tính

☒ Nội dung ☐ Mã ☐ Mã và Nội dung

Năm

☐ Nội dung ☐ Mã ☒ Mã và Nội dung

Phân tử

☒ Nội dung ☐ Mã ☐ Mã và Nội dung

Tiếp tục

Hủy bỏ

- Bỏ những dòng bằng không: Dùng để loại bỏ những dòng tất cả đều chứa giá trị là 0.
- Bỏ những dòng bằng không hoặc '-': Dùng để loại bỏ những dòng tất cả đều chứa giá trị là 0 hoặc '-'.
- Bỏ những dòng dấu chấm chấm: Dùng để loại bỏ những dòng tất cả đều chứa giá trị là dấu chấm chấm.
- Bỏ những dòng bằng không, '-' hoặc chấm: Dùng để loại bỏ những dòng tất cả đều chứa giá trị là 0, '-' hoặc chấm.
- Hiện thị tất cả các dòng: Dùng để hiển thị tất cả các dòng kể cả những dòng tất cả đều chứa giá trị là 0, '-' hoặc chấm

4. Các thao tác tính toán

Các thao tác trong nhóm này bao gồm:

a. Tính tổng các giá trị của biến: dùng để thực hiện phép tính tổng các giá trị của biến. Ví dụ có bảng số liệu như hình dưới, ta cần tính: Tổng số = Nam + Nữ cho từng tỉnh/thành phố trong các năm.

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Bảng

Chỉnh sửa và tính toán Lưu dưới dạng Bảng - Giao diện 1

PX xls CSV

	2005		2006		2007		2008		2009		2010	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
CẢ NƯỚC	40.521,50	41.870,60	40.999,00	42.312,20	41.447,30	42.771,20	41.956,10	43.162,60	42.523,40	43.501,60	42.986,10	43.946,40
Đồng bằng sông Hồng	9.308,20	9.668,50	9.369,00	9.739,90	9.432,00	9.796,80	9.544,70	9.929,00	9.649,90	9.968,20	9.758,90	10.044,40
Hà Nội	1.568,00	1.565,40	1.596,60	1.588,20	1.618,30	1.610,20	3.124,90	3.256,90	3.180,00	3.292,00	3.248,30	3.340,20
Hà Tây	1.310,90	1.392,00	1.321,70	1.420,70	1.336,80	1.436,90
Vĩnh Phúc	572,90	584,10	577,40	588,60	581,40	592,70	492,10	501,70	494,20	506,20	497,60	510,00
Bắc Ninh	481,70	509,40	486,80	513,00	491,40	518,00	498,00	520,10	503,90	522,60	512,50	528,70
Quảng Ninh	557,90	538,20	561,90	547,40	568,50	554,00	577,90	557,20	585,00	561,10	591,00	563,90
Hải Dương	821,70	863,80	824,60	865,10	827,70	867,00	831,40	869,40	835,10	871,70	839,30	873,50
Hải Phòng	876,60	896,80	884,30	904,80	892,90	913,60	903,10	921,00	912,60	927,80	921,60	936,20
Hưng Yên	538,80	572,20	539,80	576,60	542,10	579,20	544,30	581,90	552,90	575,70	559,20	579,10
Thái Bình	859,30	931,20	858,90	928,50	857,20	926,70	859,30	923,40	860,80	922,30	861,80	923,00
Hà Nam	382,70	408,60	382,90	407,10	382,20	406,20	382,40	404,50	383,90	402,30	384,00	402,30
Nam Định	901,40	949,60	897,40	942,00	892,60	937,10	887,00	939,10	894,60	933,80	895,50	934,50
Ninh Bình	436,30	457,20	436,70	457,90	440,90	455,20	444,30	453,80	446,90	452,70	448,10	453,00
Trung du và	5.362,10	5.436,60	5.419,50	5.484,80	5.469,30	5.534,90	5.459,10	5.538,20	5.517,90	5.555,60	5.576,00	5.601,00

Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây:

Tổng

Chọn giá trị để tính tổng

☐ Địa phương
☐ Năm
☒ Phân tổ
☐ Tính tổng tất cả giá trị ☒ Tính tổng những giá trị đã chọn

Tổng Hủy bỏ

+ Chọn biến cần tính tổng. Trong ví dụ này bạn chọn biến là “Phân tổ” rồi bấm nút “Tổng”

+ Chọn “Tính tổng tất cả giá trị” để tính tổng tất cả những giá trị của biến đó. Nếu chọn “Tính tổng những giá trị đã chọn” thì xuất hiện cửa sổ để chọn những giá trị cần tính rồi bấm nút “Tổng”

+ Đặt tên cho giá trị tổng cần tính rồi bấm nút “Tổng”

Tổng

Chọn giá trị để tính tổng

Nam
 Nữ

Tổng
Hủy bỏ

Tổng

Hiển thị cả giá trị gốc ☒

Tên giá trị mới

Tổng
Hủy bỏ

	2005			2006			2007			2008			2009
	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam
CẢ NƯỚC	40.521,50	41.870,60	82.392,10	40.999,00	42.312,20	83.311,20	41.447,30	42.771,20	84.218,50	41.956,10	43.162,60	85.118,70	42.521,50
Đồng bằng sông Hồng	9.308,20	9.668,50	18.976,70	9.369,00	9.739,90	19.108,90	9.432,00	9.796,80	19.228,80	9.544,70	9.929,00	19.473,70	9.641,50
Hà Nội	1.568,00	1.565,40	3.133,40	1.596,60	1.588,20	3.184,80	1.618,30	1.610,20	3.228,50	3.124,90	3.256,90	6.381,80	3.181,50
Hà Tây	1.310,90	1.392,00	2.702,90	1.321,70	1.420,70	2.742,40	1.336,80	1.436,90	2.773,70
Vĩnh Phúc	572,90	584,10	1.157,00	577,40	588,60	1.166,00	581,40	592,70	1.174,10	492,10	501,70	993,80	492,10

b. Hiệu các giá trị của biến: dùng để thực hiện phép tính hiệu các giá trị của biến. Sử dụng số liệu ở ví dụ trên, ta cần tính: Chênh lệch = Nam - Nữ cho từng tỉnh/thành phố trong các năm.

Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây:

Trừ

Chọn một biến sử dụng để trừ giá trị

- ☐ Địa phương
- ☒ Phân tổ
- ☐ Năm

Trừ
Hủy bỏ

Chọn biến cần tính hiệu. Trong ví dụ này bạn chọn biến là “Phân tổ” rồi bấm nút “Trừ”

Chọn “Giá trị đầu tiên” là “Nam”, “Giá trị thứ hai” là “Nữ” rồi bấm nút “Trừ”

Trừ
Chọn 2 giá trị theo thứ tự bạn muốn trừ
Giá trị đầu tiên: Nam Giá trị thứ hai: Nữ
Trừ Hủy bỏ

Đặt tên cho giá trị hiệu cần tính rồi bấm nút “Trừ”

Trừ
Hiển thị cả giá trị gốc ☒
Nhập tên cho giá trị kết quả Chênh lệch
Trừ Hủy bỏ

c. Chia các giá trị của biến: dùng để thực hiện phép chia các giá trị của biến. Ví dụ có bảng số liệu như hình dưới, ta cần tính: Mật độ dân số = Dân số trung bình/ Diện tích cho từng tỉnh/thành phố trong các năm.

Chỉnh sửa và tính toán

Lưu dưới dạng

Bảng - Giao diện 1

↺ ↻ ↶

PX xls CSV

📊 📈 📋 🔍 🌐

	Dân số trung bình (Nghìn người)	Diện tích (Km2)
CẢ NƯỚC	87.840,0	330.957,6
Đồng bằng sông Hồng	19.999,3	21.068,1
Hà Nội	6.699,6	3.328,9
Vĩnh Phúc	1.014,6	1.236,5
Bắc Ninh	1.060,3	822,7
Quảng Ninh	1.163,7	6.102,4

Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây:

Chia
Chọn một biến sử dụng để chia giá trị
☐ Địa phương
☒ Chỉ tiêu
Chia Hủy bỏ

Chọn biến cần tính phép chia. Trong ví dụ này bạn chọn biến là “Chỉ tiêu” rồi bấm nút “Chia”

Chọn “Giá trị đầu tiên” là “Dân số trung bình”, “Giá trị thứ hai” là “Diện tích” rồi bấm nút “Chia”

Chia
Chọn 2 giá trị theo thứ tự bạn muốn chia
Giá trị đầu tiên: Dân số trung bình (Nghìn người) Giá trị thứ hai: Diện tích (Km2)

Đặt tên cho giá trị cần tính rồi bấm nút “Chia”

Chia
Hiển thị cả giá trị gốc ☒
Nhập tên cho giá trị kết quả Mật độ dân số

d. Nhân các giá trị của biến: dùng để thực hiện phép nhân các giá trị của biến. Cách thức thực hiện giống như phép chia ở trên

e. Tỷ lệ phần trăm: dùng để tính tỷ lệ phần trăm giữa các giá trị của biến. Ví dụ có bảng số liệu như hình dưới, ta cần tính tỷ lệ phần trăm của Nam và Nữ so với tổng số của các tỉnh/thành phố

Chỉnh sửa và tính toán Lưu dưới dạng Bảng - Giao diện 1

	2010	
	Nam	Nữ
CẢ NƯỚC	42.986,10	43.946,40
Đồng bằng sông Hồng	9.758,90	10.044,40
Hà Nội	3.248,30	3.340,20
Vĩnh Phúc	497,60	510,00
Bắc Ninh	512,50	528,70
Quảng Ninh	591,00	563,90
Hải Dương	839,30	873,50
Hải Phòng	921,60	936,20

Khi bạn chọn lựa chọn đó sẽ xuất hiện cửa sổ như dưới đây:

Tỷ lệ phần trăm

☒ Hiển thị dữ liệu gốc và tỷ lệ phần trăm ☐ Chỉ hiển thị phần trăm

Tên giá trị mới

- ☒ Chọn một biến làm cơ sở để tính tỷ lệ phần trăm
- ☐ Chọn một biến mà bạn sẽ chọn một giá trị làm cơ sở
- ☐ Chọn một ô dữ liệu làm cơ sở, một giá trị cho mỗi biến

Tiếp tục

Hủy bỏ

Tỷ lệ phần trăm

☒ Hiển thị dữ liệu gốc và tỷ lệ phần trăm ☐ Chỉ hiển thị phần trăm

Tên giá trị mới

☐ Địa phương ☐ Năm ☒ Phân tử

Tiếp tục

Hủy bỏ

Chỉnh sửa và tính toán

Lưu dưới dạng

Bảng - Giao diện 1



PX xls CSV



	2010			
	Nam		Nữ	
	Ngìn người	Tỷ lệ phần trăm	Ngìn người	Tỷ lệ phần trăm
CẢ NƯỚC	42.986,10	49,45	43.946,40	50,55
Đồng bằng sông Hồng	9.758,90	49,28	10.044,40	50,72
Hà Nội	3.248,30	49,30	3.340,20	50,70
Vĩnh Phúc	497,60	49,38	510,00	50,62
Bắc Ninh	512,50	49,22	528,70	50,78
Quảng Ninh	591,00	51,17	563,90	48,83
Hải Dương	839,30	49,00	873,50	51,00
Hải Phòng	921,60	49,61	936,20	50,39

5. Các thao tác với nhóm chức năng 2

Trong nhóm chức năng này bạn có thể thực hiện việc lưu thành các tệp với các định dạng. Ở mục này bao gồm danh mục các dạng lưu trữ mà người dùng có thể lưu dữ liệu cho phù hợp. Ngoài ra bạn có thể bấm vào các nút phía dưới hộp chọn để thực hiện lưu dưới các dạng tệp thường dùng: PC-Axis **PX**, Excel **xls** hay tệp dạng text với các trường phân tách nhau bằng dấu phẩy **CSV**

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Bảng

(1) Chính sửa và tính toán (2) Lưu dưới dạng (3) Bảng - Giao diện 1

Lưu dưới dạng

- Tệp PC-AXIS
- Tệp Excel (xls)
- Tệp Excel (xls) với cột mã và nội dung
- Phân tách bởi dấu Tab kèm tiêu đề
- Phân tách bởi dấu Tab không kèm tiêu đề
- Phân tách bởi dấu phẩy kèm tiêu đề
- Phân tách bởi dấu phẩy không kèm tiêu đề
- Phân tách bởi khoảng trống kèm tiêu đề
- Phân tách bởi khoảng trống không kèm tiêu đề
- Phân tách bởi dấu chấm phẩy kèm tiêu đề
- Phân tách bởi dấu chấm phẩy không kèm tiêu đề
- Tệp HTML (htm)
- Tệp quan hệ (scb)

	Tổng số	Nam			
Tổng số (Nghìn người)					
1990	66.016,70	32.202,80			
1991	67.242,40	32.814,30			
1992	68.450,10	33.424,20			
1993	69.644,50	34.028,30			
1994	70.824,50	34.633,20	36.191,30	14.425,60	56.398,90
1995	71.995,50	35.237,40	36.758,10	14.938,10	57.057,40

6. Các thao tác với nhóm chức năng 3

Trong nhóm chức năng này bạn có thể thực hiện việc hiển thị bảng số liệu ở các dạng bảng hoặc biểu đồ. Ở mục này bao gồm danh mục các dạng hiển thị gồm các dạng bảng, kiểu biểu đồ và các thông tin kèm theo của bảng/biểu đồ đó như là chú thích hoặc các thông tin khác.

Số liệu thống kê - Danh sách - Lựa chọn - Trình bày - Bảng

(1) Chính sửa và tính toán (2) Lưu dưới dạng (3) Bảng - Giao diện 1

Lưu dưới dạng

Bảng - Giao diện 1

Bảng - Giao diện 2

Bảng - Sắp xếp

Biểu đồ - Dạng cột

Biểu đồ - Dạng cột xếp chồng

Biểu đồ - Dạng cột xếp chồng 100%

Biểu đồ - Dạng thanh

Biểu đồ - Dạng thanh xếp chồng

Biểu đồ - Dạng thanh xếp chồng 100%

Biểu đồ - Dạng dòng kẻ

Biểu đồ - Dạng cột và dòng kẻ

Biểu đồ - Tháp dân số

Biểu đồ - Dạng bánh

Biểu đồ - Dạng vùng

Biểu đồ - Dạng vùng xếp chồng

Biểu đồ - Dạng vùng xếp chồng 100%

Biểu đồ - Dạng điểm

Biểu đồ - Dạng Rada

Chú thích

Thông tin

	Tổng số	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Tổng số (Nghìn người)					
1990	66.016,70	32.202,80	33.813,90	12.880,30	53.136,40
1991	67.242,40	32.814,30	34.428,10	13.227,50	54.014,90
1992	68.450,10	33.424,20	35.025,90	13.587,60	54.862,50
1993	69.644,50	34.028,30	35.616,20	13.961,20	55.683,30
1994	70.824,50	34.633,20	36.191,30	14.425,60	56.398,90
1995	71.995,50	35.237,40	36.758,10	14.938,10	57.057,40
1996	73.156,70	35.857,30	37.299,40	15.419,90	57.736,80
1997	74.306,90	36.473,10	37.833,80	16.835,40	57.471,50
1998	75.456,30	37.089,70	38.366,60	17.464,60	57.991,70

Để hiển thị bảng số liệu dưới dạng biểu đồ, bạn chọn kiểu dáng trong danh sách hoặc các dạng biểu đồ thường dùng thể hiện dạng nút bấm tắt phía dưới danh sách nhóm chức năng 3

7. Căn chỉnh biểu đồ

Để điều chỉnh các cài đặt của biểu đồ khi cần, bạn bấm vào dòng chữ “Các cài đặt của biểu đồ”

Chỉnh sửa và tính toán

Lưu dưới dạng

Biểu đồ - Tháp dân số

Bấm vào đây để chỉnh các cài đặt

Các cài đặt của biểu đồ

Thực hiện điều chỉnh các thông số của biểu đồ như:

- Tiêu đề, độ cao và rộng của biểu đồ
- Xoay hướng các nhãn của biểu đồ
- Hiện thị chú thích

Ấn các cài đặt

Tiêu đề:

Dân số trung bình phân theo giới tính chia theo Cách tính, Năm và Phân tổ

Độ cao:

Độ

500

rộng:

900

Hướng của nhãn:

Ngang

Dọc

Hướng dẫn:

Ngang

Dọc

Chú thích:

Hiện thị

Độ cao (% của biểu đồ): 20

Áp dụng

Sau khi thực hiện điều chỉnh, bạn bấm nút “Áp dụng” để các thay đổi có hiệu lực
Để ẩn màn hình điều chỉnh này, bạn bấm vào dòng chữ “Ấn các cài đặt”